

Bản án số: 07/2024/HS-ST
Ngày 10 /01/ 2024;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẤT- THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đăng Lý;

Ông Nguyễn Văn Miên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Thư ký, Toà án nhân dân huyện Thạch Thất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 175/2023/TLST- HS ngày 07 tháng 12 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166 /2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phan Thị T, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1974 tại: huyện T, Thành phố Hà Nội; Nơi thường trú: thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tiền án, tiền sự: Ngày 03/8/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xử phạt số tiền 10.000.000 đồng về tội Đánh bạc. Ngày 14/9/2023 đã nộp số tiền phạt và án phí. (Chưa được xóa án tích). Con ông: Phan Văn N, sinh năm: 1949; Con bà: Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1947; chồng là Phan Lạc Q, sinh năm 1968 (đã ly hôn), con: 02 con lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2005; Tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 07/9/2023 đến ngày 27/10/2023. Hiện bị cáo đang thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. D chỉ bản số 390 do Công an huyện T lập ngày 16/9/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị H; Sinh ngày 17 tháng 8 năm 1993 tại : huyện T, T; Nơi thường trú: Thôn V, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Con ông: Nguyễn Hữu N1, sinh năm: 1971; Con bà: Nguyễn Thị N2, sinh năm: 1972; chồng: Đỗ Thượng T2, sinh năm 1989:

Con: Có 3 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2023. Tạm giữ: Từ ngày 07/9/2023 đến ngày 13/9/2023; bị cáo đang thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. D chỉ bản số 373 do Công an huyện T lập ngày 10/9/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Chu Thị T3**; Sinh ngày 26 tháng 05 năm 1982 tại huyện T, thành phố H; Nơi thường trú: Thôn V, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Con ông: Chu Văn T4, sinh năm: 1944; Con bà: Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1948; chồng: Trần Hữu T5, sinh năm 1974; Con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2006. Tạm giữ: Từ ngày 07/9/2023 đến ngày 13/9/2023, tạm giam: không; bị cáo đang thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. D chỉ bản số 380 do Công an huyện T lập ngày 13/9/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. **Nguyễn Thị M**, sinh ngày 26 tháng 01 năm 1992 tại: huyện T, thành phố Hà Nội; Nơi thường trú: Thôn D, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Nguyễn Gia S, sinh năm 1966; Con bà: Nguyễn Thị T6, sinh năm 1958; chồng: Đỗ Khắc D1, sinh năm 1983; Con: có 2 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2021. Tạm giữ: Từ ngày 07/9/2023 đến ngày 13/9/2023; tạm giam: Không. Hiện nay, bị cáo đang thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. D chỉ bản số 379 do Công an huyện T lập ngày 13/9/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. **Nguyễn Thị Q1**; Sinh ngày 07 tháng 10 năm 1970 tại : huyện T, thành phố Hà Nội; Nơi thường trú: Thôn B, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tiền án, tiền sự: Chưa có; *Nhân thân: Ngày 28/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội đánh phạt bổ sung số tiền 15.000.000 đồng. Ngày 07/12/2020 đã nộp số tiền phạt bổ sung và án phí. (Đã được xóa án tích).* Con ông: Nguyễn Đình T7 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị H2 (đã chết); chồng: Vũ Hữu Q2 (đã chết); Con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1995. Tạm giữ: Từ ngày 07/9/2023 đến ngày 15/9/2023; tạm giam: Không; bị cáo đang thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. D chỉ bản số 388 do Công an huyện T lập ngày 15/9/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. **Nguyễn Thị H3**, sinh ngày 26 tháng 11 năm 1979 tại: huyện T, thành phố Hà Nội; Nơi thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Nguyễn Đình T8, sinh năm 1957; Con bà: Phan Thị T9, sinh năm 1960; chồng Phan Lạc T10, sinh năm 1975 (đã ly hôn); Con: có 3 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2012. Tạm giữ: Từ ngày 07/9/2023 đến ngày 13/9/2023; tạm giam: Không.

Hiện nay, bị cáo đang thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. D chỉ bản số 383 do Công an huyện T lập ngày 13/9/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. **Phan Thị C**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1970 tại: huyện T, thành phố Hà Nội; Nơi thường trú: Thôn M, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Phan Văn B (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị H4 (đã chết); chồng Nguyễn Văn T11, sinh năm 1967; Con: có 4 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2005. Tạm giữ: Từ ngày 07/9/2023 đến ngày 13/9/2023; tạm giam: Không. Hiện nay, bị cáo đang thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. D chỉ bản số 382 do Công an huyện T lập ngày 13/9/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. **Nguyễn Thị B1**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1972 tại: huyện T, thành phố Hà Nội; Nơi thường trú: Thôn B, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Nguyễn Đình T7 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị H2 (đã chết); chồng Nguyễn Duy B2, sinh năm 1963; Con: có 2 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2000. Tạm giữ: Từ ngày 07/9/2023 đến ngày 13/9/2023; tạm giam: Không. Hiện nay, bị cáo đang thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. D chỉ bản số 381 do Công an huyện T lập ngày 13/9/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

9. **Phan Thị H5**, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1966 tại: huyện T, thành phố Hà Nội; Nơi thường trú: Thôn B, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30/12/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xử phạt số tiền 10.000.000 đồng về tội Đánh bạc. Ngày 13/6/2022 đã nộp số tiền phạt và án phí. (Đã được xóa án tích). Con ông: Phan Văn T12 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị M1 (đã chết); chồng Nguyễn Duy T13, sinh năm 1963; Con: có 2 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1993. Tạm giữ: Từ ngày 07/9/2023 đến ngày 15/9/2023; tạm giam: Không. Hiện nay, bị cáo đang thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. D chỉ bản số 387 do Công an huyện T lập ngày 15/9/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Người làm chứng:**

1. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1964;
Trú tại: Thôn S, xã H, huyện T, TP Hà Nội.
2. Chị Nguyễn Thị T14, sinh năm 1995;
Trú tại: Thôn S, xã H, huyện T, TP Hà Nội.
3. Chị Lê Thị H6, sinh năm 1983;
Trú tại: Thôn Y, xã T, huyện T, TP Hà Nội
4. Anh Phan Lạc Đ, sinh năm 2005;

Trú tại: Trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện T, TP Hà Nội;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 07/9/2023, các bị cáo Phan Thị C (SN 1970, trú tại: thôn M - H), Nguyễn Thị M (SN 1992, trú tại: thôn D - C), Nguyễn Thị B1 (SN 1972, trú tại: thôn B - H), Nguyễn Thị Q1 (SN 1970, trú tại: S - H) đến nhà bị cáo Phan Thị T (SN: 1974, trú tại: Thôn B - H - T - Hà Nội) để chơi, uống nước. Sau đó cả nhóm rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh “Liêng” thắng thua bằng tiền Việt Nam đồng tại nhà ở của bị cáo T thì được bị cáo T đồng ý cho các đối tượng đánh bạc. Bị cáo Thanh trái chân vải màu hồng làm chiếu bạc, chuẩn bị 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 quân và thu hồ phế của các đối tượng đánh bạc với số tiền 50.000 đồng/01 người. Sau đó các bị cáo C, M, B1, Q1 cùng tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh “Liêng”. Sau đó lần lượt các bị cáo Phan Thị H5 (SN 1966, trú tại: thôn B - H), Nguyễn Thị H (SN 1993), Chu Thị T3 (SN 1982, đều trú tại: V - P), Nguyễn Thị H3 (SN 1979, trú tại: S - H) đến nhà bị cáo T và cùng tham gia đánh bạc. Ngoài ra có chị Nguyễn Thị L (SN 1964), Nguyễn Thị T14 (SN 1995, đều trú tại: S - H), Lê Thị H6 (SN 1983, trú tại: thôn Y - T) ngồi ngoài xem, không tham gia đánh bạc, anh Phan Lạc Đ (SN 02/8/2005, trú tại: thôn Đ - H) ngủ trong phòng, không tham gia đánh bạc.

Hình thức đánh bạc như sau: Các bị cáo sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân chia đều cho mỗi người 03 quân bài và tiến hành đặt cược, mỗi người đặt cược 50.000 đồng/ván (gọi là gà). Sau khi đặt cược xong sẽ tiến hành tổ và đặt cược theo lượt ngược chiều kim đồng hồ, người chơi đầu tiên là chủ bàn hoặc người thắng ván trước, mỗi lần tổ từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng. Người chơi lần lượt có thể “theo”, “bỏ” hoặc “tổ thêm”. Ván chơi sẽ kết thúc khi không có người tổ thêm, nếu còn lại ít nhất 2 người chơi theo vòng tổ thì những người chơi đó sẽ hạ bài ra để so điểm. Bài ai mạnh nhất sẽ thắng, nếu cuối cùng chỉ còn lại 1 người theo vòng thì bài Người sẽ thắng và không phải lật bài. Cách so bài như sau: các bộ bài Liêng theo thứ tự từ lớn đến bé (A23<234<...<JQK<QKA), “sáp” (ba quân bài số giống nhau), nếu hai người sáp thì sẽ so sánh giá trị quân 2<3<...<K<A; “liêng” 3 quân liên tiếp nhau (tính cả A23 và QKA), nếu cùng L1 sánh giá trị quân bài theo chất rô>ơ>tép>bích, “Đĩ” 03 quân bài đều là hình đầu người JQK (không phải sáp và L2). Nếu không có các bộ đặc biệt thì sẽ cộng điểm (A là 1 điểm ..., 10, J, Q, K là 0 điểm). Bài sẽ so sánh Sáp>liêng>đĩ>9>8...>1>0.

Khi đến nhà Phan Thị T thì Phan Thị C mang theo 1.200.000 đồng, Nguyễn Thị M mang theo 3.100.000 đồng, Nguyễn Thị B1 mang theo 1.000.000 đồng, Nguyễn Thị Q1 mang theo 1.800.000 đồng, Phan Thị H5 mang theo 250.000 đồng, Nguyễn Thị H mang theo 6.400.000 đồng, Chu Thị T3 mang theo 6.350.000 đồng, Nguyễn Thị H3 mang theo 1.200.000 đồng. Tất cả số tiền các bị cáo mang theo đều sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc bị cáo T đã thu 350.000 đồng

tiền hồ phé của các bị cáo M, Q1, H5, C, B1, T3, H (mỗi bị cáo 50.000 đồng).

Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày khi các bị cáo đang ngồi đánh bạc thì bị Đ1 – Công an huyện T phối hợp với Công an xã H kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) bộ tú lơ khơ gồm 52 quân.
- 01 (một) chăn vải màu hồng.
- Số tiền 11.900.000 đồng (mười một triệu chín trăm nghìn) trên chiếu bạc.
- Số tiền 9.400.000 đồng (chín triệu bốn trăm nghìn) thu giữ trên người các bị

cáo trong đó:

- + T3 trên người bị cáo Phan Thị T số tiền 350.000 đồng;
- + Thu trên người bị cáo Chu Thị T3 số tiền 3.000.000 đồng;
- + Thu trên người bị cáo Nguyễn Thị Q1 số tiền 2.000.000 đồng;
- + Thu trên người bị cáo Nguyễn Thị M số tiền 450.000 đồng;
- + Thu trên người bị cáo Phan Thị H5 số tiền 2.000.000 đồng;
- + Thu trên người bị cáo Nguyễn Thị H3 số tiền 1.500.000 đồng;
- + Thu trên người bị cáo Nguyễn Thị B1 số tiền 100.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo Phan Thị T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị H3, Chu Thị T3, Phan Thị C, Nguyễn Thị Q1, Phan Thị H5 khai nhận hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 164/CT -VKSTT ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội truy tố:

Bị cáo Phan Thị T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội truy tố về tội “*Gá bạc*”; theo điểm c, đ khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị H3, Chu Thị T3, Phan Thị C, Nguyễn Thị Q1, Phan Thị H5 bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội truy tố về tội “*Đánh bạc*”; Theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm c, đ khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Phan Thị T từ 12 -15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (07/9/2023 – 27/10/2023).

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Thị Q1, Phan Thị H5, Nguyễn Thị H từ **06-09** tháng tù tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách **12 - 18** tháng kể từ ngày tuyên án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Chu Thị T3, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị H3, Phan Thị C, từ **09 - 12** tháng cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo được hưởng án treo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 21.300.000 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm nghìn đồng) là tiền các bị cáo mang đi để sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu sung công.

- 01 (một) bộ tú lơ khơ gồm 52 quân và 01 (một) chăn vải màu hồng là phương tiện phạm tội đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại nhà Phan Thị T ở thôn B, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội, Phan Thị T đã cho Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị H3, Chu Thị T3, Phan Thị C, Nguyễn Thị Q1, Phan Thị H5 đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức “Liêng” thu tiền hồ, phé. Số tiền hồ phé Phan Thị T đã thu được là 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn). Tổng số tiền Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị H3, Chu Thị T3, Phan Thị C, Nguyễn Thị Q1, Phan

Thị H5 sử dụng vào việc đánh bạc là 21.300.000 đồng (hai mươi một triệu ba trăm nghìn). Tại thời điểm phạm tội các bị cáo đều là những người có năng lực trách nhiệm hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo theo tội danh và viện dẫn áp dụng điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, đã gây ảnh hưởng tới tình hình trật tự trị an trên địa bàn nên cần xử lý nghiêm để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tính chất, vai trò của từng bị cáo trong vụ án như sau:

Phan Thị T có hành vi đồng ý cho các đối tượng đánh bạc tại nhà ở của mình, mục đích để thu lời.

Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị H3, Chu Thị T3, Phan Thị C, Nguyễn Thị Q1, Phan Thị H5 trực tiếp tham gia đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền. Trong đó bị cáo H sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất; bị cáo Q1 và bị cáo H5 nhân thân đã bị kết án về tội đánh bạc, tuy nay đã được đương nhiên xóa án nhưng điều đó thể hiện ý thức chấp hành pháp luật không tốt. Do vậy, bị cáo Q1, H5, H phải chịu mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo phạm tội tội đánh bạc.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo Phan Thị T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị H3, Chu Thị T3, Phan Thị C, Nguyễn Thị Q1, Phan Thị H5 được hưởng tình tiết giảm nhẹ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại điểm s, khoản 1, Điều Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị H3, Chu Thị T3, Phan Thị C được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quy định tại điểm i, khoản 1, Điều Bộ luật Hình sự.

[7] **Về nhân thân:** Bị cáo Phan Thị Thanh n có 01 tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa; Phan Thị H5 và Nguyễn Thị Q1 có 01 tiền án về tội đánh bạc, đã được đương nhiên xóa án. Bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị H3, Chu Thị T3, Phan Thị C nhân thân đều chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội,

[8] **Về hình phạt:** Bị cáo Phan Thị T có một tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi gá bạc nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Q1, Phan Thị H5 đã bị kết án về tội đánh bạc, nay lại tiếp tục phạm tội đánh bạc điều đó thể hiện ý thức chấp hành pháp luật không tốt nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc. Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai

báo ăn năn hối cải, số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc không lớn (Q1 sử dụng 1.800.000 đồng, H5 sử dụng 250.000 đồng vào việc đánh bạc), đã được đương nhiên xóa án; bị cáo Nguyễn Thị H nhân thân chưa có tiền án, tiền sự nhưng số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nhiều nhất (6.400.000 đồng), các bị cáo hiện có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng hình phạt tù đối với Q1, H5, H và cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị H3, Chu Thị T3, Phan Thị C có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc không lớn nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp với Điều 36 của Bộ luật Hình sự và miễn áp dụng khấu trừ thu nhập.

[9] **Về hình phạt bổ sung:** Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 và khoản 3 Điều 322 của Bộ luật Hình sự ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, trong vụ án này các bị cáo đều là những người lao động tự do, thu nhập không ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[10] Đối với Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T14, Lê Thị H6, Phan Lạc Đ có mặt tại địa điểm đánh bạc nhưng chỉ ngồi xem, không tham gia đánh bạc nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[11]. *Về xử lý vật chứng:*

- Số tiền 21.300.000 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm nghìn đồng) là tiền các bị cáo mang đi để sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu sung công.

- 01 (một) bộ tú lơ khơ gồm 52 quân và 01 (một) chăn vải màu hồng là phương tiện phạm tội đề nghị tịch thu tiêu hủy.

[12]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Phan Thị T** phạm tội “**Gá bạc**”.

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị H3, Chu Thị T3, Phan Thị C, Nguyễn Thị Q1, Phan Thị H5** phạm tội “**Đánh bạc**”.

1. Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Phan Thị T 12** (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án, bị cáo được trừ thời gian tạm, giữ tạm giam từ ngày 07/9/2023 đến ngày 27/10/2023.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hìnhđiểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn Thị Q1 09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách **18** (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt: **Phan Thị H5 09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách **18** (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Nguyễn Thị Q1 và Phan Thị H5** cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hà Nội quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hìnhđiểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn Thị H 09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách **18** (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Nguyễn Thị H** cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, thành phố Hà Nội quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hìnhđiểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn Thị M 09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo bị tạm giữ 06 (sáu) ngày từ ngày 7/9/2023 đến ngày 13/9/2023 nên được trừ 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã C, huyện T, thành phố Hà Nội nhận được quyếtthi hành án và bảnán.

Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện T, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: **Nguyễn Thị B1 09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo bị tạm giữ 06 (sáu) ngày từ ngày 7/9/2023 đến ngày 13/9/2023 nên được trừ 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã H, huyện T, thành phố Hà Nội nhận được quyếtthi hành án và bảnán.

Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện T, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: **Chu Thị T3 09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo bị tạm giữ 06 (sáu) ngày từ ngày 7/9/2023 đến ngày 13/9/2023 nên được trừ 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã P, huyện T, thành phố Hà Nội nhận được quyếtthi hành án và bảnán.

Giao bị cáo cho UBND xã P, huyện T, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: **Nguyễn Thị H3 09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo bị tạm giữ 06 (sáu) ngày từ ngày 7/9/2023 đến ngày 13/9/2023 nên được trừ 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã H, huyện T, thành phố Hà Nội nhận được quyết thi hành án và bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện T, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: **Phan Thị C 09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo bị tạm giữ 06 (sáu) ngày từ ngày 7/9/2023 đến ngày 13/9/2023 nên được trừ 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã H, huyện T, thành phố Hà Nội nhận được quyết thi hành án và bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện T, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 21.300.000 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm nghìn đồng); tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ tú lơ khơ gồm 52 quân và 01 (một) chăn vải màu hồng.

(Theo Ủy Chi 97 ngày 26/12/2023 và biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 18 /THADS/2023 ngày 29/12 /2023 giữa Công an huyện T và Chi cục hành án dân sự huyện T).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Bị cáo Phan Thị T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị H3, Chu Thị T3, Phan Thị C, Nguyễn Thị Q1, Phan Thị H5 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- CA, VKSND, THA huyện Thạch Thất;
- Bị cáo;
- UBND xã Hữu Bằng, xã Phùng Xá, xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất; Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thủy

